

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố thủ tục hành chính mới; sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ
lĩnh vực tư pháp thuộc thẩm quyền giải quyết của
Ủy ban nhân dân cấp huyện tỉnh Lâm Đồng**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính và Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 05/2014/TT-BTP ngày 07 tháng 02 năm 2014 của Bộ Tư pháp hướng dẫn công bố, niêm yết thủ tục hành chính và báo cáo về tình hình, kết quả thực hiện kiểm soát thủ tục hành chính;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này thủ tục hành chính mới, thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ lĩnh vực tư pháp thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp huyện trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tư pháp; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành thuộc tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố Đà Lạt, Bảo Lộc và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / 

Nơi nhận:

- Bộ Tư pháp (Cục KSTTHC);
- TT. Tỉnh ủy, TT. HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Cổng thông tin Điện tử tỉnh;
- Webservice VP UBND tỉnh;
- Như điều 3;
- Lưu: VT, NC.

CHỦ TỊCH



Đoàn Văn Việt

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI, SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, BÃI BỎ LĨNH VỰC
TƯ PHÁP THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA CẤP HUYỆN
TỈNH LÂM ĐỒNG**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1914/QĐ-UBND ngày 07 tháng 9 năm 2015
của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng)



PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Danh mục thủ tục hành chính mới

STT	Tên thủ tục hành chính
I	Lĩnh vực phổ biến, giáo dục pháp luật
1	Thủ tục công nhận báo cáo viên pháp luật
2	Thủ tục miễn nhiệm báo cáo viên pháp luật
II	Lĩnh vực chứng thực
1	Cấp bản sao từ sổ gốc
2	Cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực

2. Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung

STT	Số hồ sơ	Tên thủ tục hành chính
I	Thủ tục lĩnh vực hộ tịch	
1	T-LDG-170448-TT	Thay đổi, cải chính hộ tịch cho người từ đủ 14 tuổi trở lên
2	T-LDG-078575-TT	Thủ tục Điều chỉnh hộ tịch
3	T-LDG-078568-TT	Thủ tục Xác định lại dân tộc
4	T-LDG-078572-TT	Thủ tục xác định lại giới tính
5	T-LDG-078717-TT	Thủ tục Cấp lại bản chính giấy khai sinh
II	Thủ tục lĩnh vực chứng thực	
1	T-LDG-077620-TT	Chứng thực bản sao từ bản chính các giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có

		thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận
2	T-LDG-077647-TT	Chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản
3	T-LDG-077660-TT	Chứng thực chữ ký của người dịch trong các giấy tờ, văn bản từ tiếng nước ngoài sang tiếng Việt, từ tiếng Việt sang tiếng nước ngoài
4	T-LDG-077681-TT	Chứng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản
5	T-LDG-077752-TT	Chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản
6	T-LDG-077808-TT	Chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản

3. Danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ

STT	Số số hồ sơ TTHC	Tên TTHC	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ
1	T-LDG-078182-TT	Chứng thực hợp đồng mượn nhà ở	Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch
2	T-LDG-078214-TT	Chứng thực hợp đồng cho ở nhờ nhà	Nt
3	T-LDG-078496-TT	Chứng thực hợp đồng cho thuê nhà ở	Nt
4	T-LDG-078507-TT	Chứng thực hợp đồng tặng cho nhà ở	Nt
5	T-LDG-078530-TT	Chứng thực hợp đồng đổi nhà ở	Nt
6	T-LDG-078521-TT	Chứng thực hợp đồng ủy quyền quản lý nhà ở	Nt
7	T-LDG-078542-TT	Chứng thực hợp đồng ủy quyền	Nt
8	T-LDG-078545-TT	Chứng thực hợp đồng thế chấp	Nt

9	T-LDG-078513-TT	Chứng thực hợp đồng thế chấp nhà ở	Nt
10	T-LDG-078553-TT	Chứng thực hợp đồng giao dịch khác có giá trị dưới 50.000.000 đồng	Nt